

Số: 219/QĐ-THCVI

Bình Minh, ngày 14 tháng 07 năm 2026

**QUYẾT ĐỊNH**

**Về việc công khai tình hình thực hiện dự toán ngân sách quý II và  
6 tháng thực hiện dự toán năm 2026**

**HIỆU TRƯỞNG TRƯỜNG TIỂU HỌC CAO VIÊN I**

Căn cứ Thông tư số 28/2020/TT-BGDĐT ngày 04/9/2020 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành điều lệ trường Tiểu học; Thông tư số 09/2024/TT-BGDĐT ngày 03/06/2024 của Bộ giáo dục và đào tạo quy định về việc công khai trong hoạt động của các cơ sở giáo dục thuộc hệ thống giáo dục quốc dân;

Căn cứ Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21 tháng 12 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước;

Căn cứ Thông tư số 61/2017/TT-BTC ngày 15 tháng 6 năm 2017 của Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện công khai ngân sách đối với đơn vị dự toán ngân sách, các tổ chức được ngân sách nhà nước hỗ trợ; Thông tư số 90/2018/TT-BTC ngày 28 tháng 9 năm 2018 của Bộ Tài chính sửa đổi bổ sung một số điều của Thông tư 61/2017/TT-BTC ngày 15 tháng 6 năm 2017 của Bộ Tài chính hướng dẫn về công khai ngân sách đối với đơn vị dự toán ngân sách, các tổ chức được ngân sách nhà nước hỗ trợ;

Căn cứ Quyết định số 1919/QĐ-UBND ngày 10/12/2025 của UBND xã Bình Minh về việc giao chỉ tiêu phát triển Kinh tế - Xã hội; dự toán thu chi ngân sách; biên chế hành chính, sự nghiệp; khoa học và công nghệ xã Bình Minh năm 2026;

Căn cứ Quyết định số 455/QĐ-UBND ngày 06/02/2026 của UBND xã Bình Minh về việc Giao bổ sung dự toán kinh phí thực hiện cơ chế hỗ trợ bữa ăn bán trú cho học sinh tiểu học tham gia ăn bán trú tại trường trên địa bàn thành phố Hà Nội năm học 2025-2026 theo Nghị quyết số 18/NQ-HĐND ngày 09/7/2025 của HĐND Thành phố (đợt 2);

Căn cứ Quyết định số 522/QĐ-UBND ngày 11/02/2026 của UBND xã Bình Minh về việc bổ sung dự toán chi ngân sách nhà nước năm 2026 kinh phí thực hiện hợp đồng lao động chuyên môn nghiệp vụ theo Nghị định 111/2022/NĐ-CP ngày 30/12/2022 của Chính phủ;

Căn cứ Quyết định số 989/QĐ-UBND ngày 13/04/2026 của UBND xã Bình Minh về việc bổ sung dự toán chi ngân sách nhà nước năm 2026 kinh phí thực hiện cải cách tiền lương theo Nghị định số 73/2024/NĐ-CP cho các trường mầm non, tiểu học, THCS trên địa bàn xã Bình Minh (đợt 2);

Căn cứ Quyết định số 1214/QĐ-UBND ngày 18/05/2026 của UBND xã Bình Minh về việc bổ sung dự toán chi ngân sách nhà nước năm 2026 kinh phí thực hiện cải cách tiền lương theo Nghị định số 73/2024/NĐ-CP cho các trường mầm non, tiểu học, THCS trên địa bàn xã Bình Minh (đợt 3);

Xét đề nghị của đồng chí kế toán trường Tiểu học Cao Viên I.

## QUYẾT ĐỊNH:

**Điều 1.** Công bố công khai thực hiện dự toán thu chi ngân sách quý II, 6 tháng đầu năm 2026 của trường Tiểu học Cao Viên I. (có biểu đính kèm)

**Điều 2.** Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

**Điều 3.** Ban Giám hiệu, các tổ chuyên môn, tổ văn phòng, bộ phận tài vụ có liên quan tổ chức thực hiện Quyết định này./.

**Nơi nhận:**

- Như Điều 3;
- Lưu: VT.

  
**Đương Thị Học**

Đơn vị: Trường Tiểu học Cao Viên I

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Chương: 622

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Cao Viên, ngày 14 tháng 7 năm 2026

**CÔNG KHAI THỰC HIỆN DỰ TOÁN THU- CHI NGÂN SÁCH QUÝ II NĂM 2026**

Căn cứ Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21 tháng 12 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước;

Căn cứ Thông tư số 90/2018/TT-BTC ngày 28 tháng 09 năm 2018 của Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 61/2017/TT-BTC ngày 15/6/2017 của Bộ Tài chính hướng dẫn về công khai ngân sách đối với các đơn vị dự toán ngân sách, các tổ chức được ngân sách nhà nước hỗ trợ;

Căn cứ quyết định số 1919 ngày 10/12/2025 của UBND xã Bình Minh về việc giao ngân sách năm 2026;

Căn cứ QĐ số 445/QĐ-UBND ngày 02/02/2026 giao KP hỗ trợ tiền ăn bán trú HS. QĐ số 522/QĐ-UBND ngày 11/02/2026 giao KP thực hiện HĐLĐ CMNV theo NĐ 111/2022/NĐ-CP. Căn cứ Quyết định số 989/QĐ-UBND ngày 13/04/2026 của UBND xã Bình Minh về việc bổ sung dự toán chi ngân sách nhà nước năm 2026 kinh phí thực hiện cải cách tiền lương theo Nghị định số 73/2024/NĐ-CP cho các trường mầm non, tiểu học, THCS trên địa bàn xã Bình Minh (đợt 2);

Căn cứ Quyết định số 1214/QĐ-UBND ngày 18/05/2026 của UBND xã Bình Minh về việc bổ sung dự toán chi ngân sách nhà nước năm 2026 kinh phí thực hiện cải cách tiền lương theo Nghị định số 73/2024/NĐ-CP cho các trường mầm non, tiểu học, THCS trên địa bàn xã Bình Minh (đợt 3);

Trường Tiểu học Cao Viên I công khai tình hình thực hiện quyết toán thu-chi ngân sách quý II năm 2026 như sau:

ĐV tính: Triệu đồng

| Số TT      | Nội dung                                           | Dự toán năm | Ước thực hiện quý II năm 2026 | Ước thực hiện/Dự toán năm (tỷ lệ %) | Ước thực hiện quý II năm nay so với cùng kỳ năm trước (tỷ lệ %) |
|------------|----------------------------------------------------|-------------|-------------------------------|-------------------------------------|-----------------------------------------------------------------|
| 1          | 2                                                  | 3           | 4                             | 5                                   | 6                                                               |
| <b>A</b>   | <b>Tổng số thu, chi, nộp ngân sách phí, lệ phí</b> |             |                               |                                     |                                                                 |
| <b>I</b>   | <b>Số thu phí, lệ phí</b>                          |             |                               |                                     |                                                                 |
| 1          | Lệ phí                                             |             |                               |                                     |                                                                 |
|            | Lệ phí...                                          |             |                               |                                     |                                                                 |
|            | Lệ phí...                                          |             |                               |                                     |                                                                 |
| 2          | Phí                                                |             |                               |                                     |                                                                 |
|            | Phí ...                                            |             |                               |                                     |                                                                 |
|            | Phí ...                                            |             |                               |                                     |                                                                 |
| <b>II</b>  | <b>Chi từ nguồn thu phí được để lại</b>            |             |                               |                                     |                                                                 |
| <b>1</b>   | <b>Chi sự nghiệp.....</b>                          |             |                               |                                     |                                                                 |
| a          | Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên                     |             |                               |                                     |                                                                 |
| b          | Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên               |             |                               |                                     |                                                                 |
| <b>2</b>   | <b>Chi quản lý hành chính</b>                      |             |                               |                                     |                                                                 |
| a          | Kinh phí thực hiện chế độ tự chủ                   |             |                               |                                     |                                                                 |
| b          | Kinh phí không thực hiện chế độ tự chủ             |             |                               |                                     |                                                                 |
| <b>III</b> | <b>Số phí, lệ phí nộp ngân sách nhà nước</b>       |             |                               |                                     |                                                                 |
| <b>1</b>   | <b>Lệ phí</b>                                      |             |                               |                                     |                                                                 |



|           |                                                         |       |       |       |       |
|-----------|---------------------------------------------------------|-------|-------|-------|-------|
| 2         | Phí                                                     |       |       |       |       |
|           | Phí ...                                                 |       |       |       |       |
|           | Phí ...                                                 |       |       |       |       |
| <b>B</b>  | <b>Dự toán chi ngân sách nhà nước</b>                   |       |       |       |       |
| <b>I</b>  | <b>Nguồn ngân sách trong nước</b>                       |       |       |       |       |
| <b>1</b>  | <b>Chi quản lý hành chính</b>                           |       |       |       |       |
| 1.1       | Kinh phí thực hiện chế độ tự chủ                        |       |       |       |       |
| 1.2       | Kinh phí không thực hiện chế độ tự chủ                  |       |       |       |       |
| <b>2</b>  | <b>Chi sự nghiệp khoa học và công nghệ</b>              |       |       |       |       |
| 2.1       | Kinh phí thực hiện nhiệm vụ khoa học công nghệ          |       |       |       |       |
|           | - Nhiệm vụ khoa học công nghệ cấp quốc gia              |       |       |       |       |
|           | - Nhiệm vụ khoa học công nghệ cấp Bộ                    |       |       |       |       |
|           | - Nhiệm vụ khoa học công nghệ cấp cơ sở                 |       |       |       |       |
| 2.2       | Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên theo chức năng           |       |       |       |       |
| 2.3       | Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên                    |       |       |       |       |
| <b>3</b>  | <b>Chi sự nghiệp giáo dục, đào tạo và dạy nghề</b>      | 7.779 | 2.677 | 92,0  | 543,0 |
| 3.1       | Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên                          | 6.239 | 1.673 | 26,82 | 72,7  |
| 3.2       | Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên                    | 1.540 | 1.004 | 65,17 | 470,3 |
| <b>4</b>  | <b>Chi sự nghiệp y tế, dân số và gia đình</b>           |       |       |       |       |
| 4.1       | Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên                          |       |       |       |       |
| 4.2       | Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên                    |       |       |       |       |
| <b>5</b>  | <b>Chi bảo đảm xã hội</b>                               |       |       |       |       |
| 5.1       | Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên                          |       |       |       |       |
| 5.2       | Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên                    |       |       |       |       |
| <b>6</b>  | <b>Chi hoạt động kinh tế</b>                            |       |       |       |       |
| 6.1       | Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên                          |       |       |       |       |
| 6.2       | Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên                    |       |       |       |       |
| <b>7</b>  | <b>Chi sự nghiệp bảo vệ môi trường</b>                  |       |       |       |       |
| 7.1       | Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên                          |       |       |       |       |
| 7.2       | Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên                    |       |       |       |       |
| <b>8</b>  | <b>Chi sự nghiệp văn hóa thông tin</b>                  |       |       |       |       |
| 8.1       | Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên                          |       |       |       |       |
| 8.2       | Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên                    |       |       |       |       |
| <b>9</b>  | <b>Chi sự nghiệp phát thanh, truyền hình, thông tin</b> |       |       |       |       |
| 9.1       | Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên                          |       |       |       |       |
| 9.2       | Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên                    |       |       |       |       |
| <b>10</b> | <b>Chi sự nghiệp thể dục thể thao</b>                   |       |       |       |       |
| 10.1      | Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên                          |       |       |       |       |
| 10.2      | Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên                    |       |       |       |       |
| <b>II</b> | <b>Nguồn vốn viện trợ</b>                               |       |       |       |       |
| <b>1</b>  | <b>Chi quản lý hành chính</b>                           |       |       |       |       |
| 1.1       | Dự án A                                                 |       |       |       |       |
| 1.2       | Dự án B                                                 |       |       |       |       |
| <b>2</b>  | <b>Chi sự nghiệp khoa học và công nghệ</b>              |       |       |       |       |
| 2.1       | Dự án A                                                 |       |       |       |       |
| 2.2       | Dự án B                                                 |       |       |       |       |
| <b>3</b>  | <b>Chi sự nghiệp giáo dục, đào tạo và dạy nghề</b>      |       |       |       |       |
| 3.1       | Dự án A                                                 |       |       |       |       |
| 3.2       | Dự án B                                                 |       |       |       |       |
| <b>4</b>  | <b>Chi sự nghiệp y tế, dân số và gia đình</b>           |       |       |       |       |

|      |                                                  |  |  |  |  |
|------|--------------------------------------------------|--|--|--|--|
| 4.2  | Dự án B                                          |  |  |  |  |
| 5    | Chi bảo đảm xã hội                               |  |  |  |  |
| 5.1  | Dự án A                                          |  |  |  |  |
| 2.2  | Dự án B                                          |  |  |  |  |
| 6    | Chi hoạt động kinh tế                            |  |  |  |  |
| 6.1  | Dự án A                                          |  |  |  |  |
| 6.2  | Dự án B                                          |  |  |  |  |
| 7    | Chi sự nghiệp bảo vệ môi trường                  |  |  |  |  |
| 7.1  | Dự án A                                          |  |  |  |  |
| 7.2  | Dự án B                                          |  |  |  |  |
| 8    | Chi sự nghiệp văn hóa thông tin                  |  |  |  |  |
| 8.1  | Dự án A                                          |  |  |  |  |
| 8.2  | Dự án B                                          |  |  |  |  |
| 9    | Chi sự nghiệp phát thanh, truyền hình, thông tấn |  |  |  |  |
| 9.1  | Dự án A                                          |  |  |  |  |
| 9.2  | Dự án B                                          |  |  |  |  |
| 10   | Chi sự nghiệp thể dục thể thao                   |  |  |  |  |
| 10.1 | Dự án A                                          |  |  |  |  |
| 10.2 | Dự án B                                          |  |  |  |  |
| III  | Nguồn vay nợ nước ngoài                          |  |  |  |  |
| 1    | Chi quản lý hành chính                           |  |  |  |  |
| 1.1  | Dự án A                                          |  |  |  |  |
| 1.2  | Dự án B                                          |  |  |  |  |
| 2    | Chi sự nghiệp khoa học và công nghệ              |  |  |  |  |
| 2.1  | Dự án A                                          |  |  |  |  |
| 2.2  | Dự án B                                          |  |  |  |  |
| 3    | Chi sự nghiệp giáo dục, đào tạo và dạy nghề      |  |  |  |  |
| 3.1  | Dự án A                                          |  |  |  |  |
| 3.2  | Dự án B                                          |  |  |  |  |
| 4    | Chi sự nghiệp y tế, dân số và gia đình           |  |  |  |  |
| 4.1  | Dự án A                                          |  |  |  |  |
| 4.2  | Dự án B                                          |  |  |  |  |
| 5    | Chi bảo đảm xã hội                               |  |  |  |  |
| 5.1  | Dự án A                                          |  |  |  |  |
| 2.2  | Dự án B                                          |  |  |  |  |
| 6    | Chi hoạt động kinh tế                            |  |  |  |  |
| 6.1  | Dự án A                                          |  |  |  |  |
| 6.2  | Dự án B                                          |  |  |  |  |
| 7    | Chi sự nghiệp bảo vệ môi trường                  |  |  |  |  |
| 7.1  | Dự án A                                          |  |  |  |  |
| 7.2  | Dự án B                                          |  |  |  |  |
| 8    | Chi sự nghiệp văn hóa thông tin                  |  |  |  |  |
| 8.1  | Dự án A                                          |  |  |  |  |
| 8.2  | Dự án B                                          |  |  |  |  |
| 9    | Chi sự nghiệp phát thanh, truyền hình, thông tấn |  |  |  |  |
| 9.1  | Dự án A                                          |  |  |  |  |
| 9.2  | Dự án B                                          |  |  |  |  |
| 10   | Chi sự nghiệp thể dục thể thao                   |  |  |  |  |
| 10.1 | Dự án A                                          |  |  |  |  |
| 10.2 | Dự án B                                          |  |  |  |  |



Thủ trưởng đơn vị

Đơn vị: Trường Tiểu học Cao Viên I

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Chương: 622

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Cao Viên, ngày 14 tháng 7 năm 2026

**CÔNG KHAI THỰC HIỆN DỰ TOÁN THU- CHI NGÂN SÁCH QUÝ II NĂM 2026  
VÀ 6 THÁNG ĐẦU NĂM 2026**

Căn cứ Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21 tháng 12 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước;

Căn cứ Thông tư số 90/2018/TT-BTC ngày 28 tháng 09 năm 2018 của Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 61/2017/TT-BTC ngày 15/6/2017 của Bộ Tài chính hướng dẫn về công khai ngân sách đối với các đơn vị dự toán ngân sách, các tổ chức được ngân sách nhà nước hỗ trợ;  
Căn cứ quyết định số 1919 ngày 10/12/2025 của UBND xã Bình Minh về việc giao ngân sách năm 2026;  
Căn cứ QĐ số 445/QĐ-UBND ngày 02/02/2026 giao KP hỗ trợ tiền ăn bán trú HS. QĐ số 522/QĐ-UBND ngày 11/02/2026 giao KP thực hiện HDLD CMNV theo NĐ 111/2022/NĐ-CP. Căn cứ Quyết định số 989/QĐ-UBND ngày 13/04/2026 của UBND xã Bình Minh về việc bổ sung dự toán chi ngân sách nhà nước năm 2026 kinh phí thực hiện cải cách tiền lương theo Nghị định số 73/2024/NĐ-CP cho các trường mầm non, tiểu học, THCS trên địa bàn xã Bình Minh (đợt 2);  
Căn cứ Quyết định số 1214/QĐ-UBND ngày 18/05/2026 của UBND xã Bình Minh về việc bổ sung dự toán chi ngân sách nhà nước năm 2026 kinh phí thực hiện cải cách tiền lương theo Nghị định số 73/2024/NĐ-CP cho các trường mầm non, tiểu học, THCS trên địa bàn xã Bình Minh (đợt 3);

Trường Tiểu học Cao Viên I công khai tình hình thực hiện quyết toán thu-chi ngân sách quý II và 6 tháng đầu năm 2026 như sau:

ĐV tính: Triệu đồng

| Số TT | Nội dung                                    | Dự toán năm | Ước thực hiện quý II năm 2026 | Ước thực hiện/Dự toán năm (tỷ lệ %) | Ước thực hiện quý II năm nay so với cùng kỳ năm trước (tỷ lệ %) |
|-------|---------------------------------------------|-------------|-------------------------------|-------------------------------------|-----------------------------------------------------------------|
| 1     | 2                                           | 3           | 4                             | 5                                   | 6                                                               |
| A     | Tổng số thu, chi, nộp ngân sách phí, lệ phí |             |                               |                                     |                                                                 |
| I     | Số thu phí, lệ phí                          |             |                               |                                     |                                                                 |
| 1     | Lệ phí                                      |             |                               |                                     |                                                                 |
|       | Lệ phí...                                   |             |                               |                                     |                                                                 |
|       | Lệ phí...                                   |             |                               |                                     |                                                                 |
| 2     | Phí                                         |             |                               |                                     |                                                                 |
|       | Phí ...                                     |             |                               |                                     |                                                                 |
|       | Phí ...                                     |             |                               |                                     |                                                                 |
| II    | Chi từ nguồn thu phí được để lại            |             |                               |                                     |                                                                 |
| 1     | Chi sự nghiệp.....                          |             |                               |                                     |                                                                 |
| a     | Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên              |             |                               |                                     |                                                                 |
| b     | Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên        |             |                               |                                     |                                                                 |
| 2     | Chi quản lý hành chính                      |             |                               |                                     |                                                                 |
| a     | Kinh phí thực hiện chế độ tự chủ            |             |                               |                                     |                                                                 |
| b     | Kinh phí không thực hiện chế độ tự chủ      |             |                               |                                     |                                                                 |
| III   | Số phí, lệ phí nộp ngân sách nhà nước       |             |                               |                                     |                                                                 |
| 1     | Lệ phí                                      |             |                               |                                     |                                                                 |
|       | Lệ phí                                      |             |                               |                                     |                                                                 |

|           |                                                         |       |       |       |       |
|-----------|---------------------------------------------------------|-------|-------|-------|-------|
|           | Phí ...                                                 |       |       |       |       |
|           | Phí ...                                                 |       |       |       |       |
| <b>B</b>  | <b>Dự toán chi ngân sách nhà nước</b>                   |       |       |       |       |
| <b>I</b>  | <b>Nguồn ngân sách trong nước</b>                       |       |       |       |       |
| <b>1</b>  | <b>Chi quản lý hành chính</b>                           |       |       |       |       |
| 1.1       | Kinh phí thực hiện chế độ tự chủ                        |       |       |       |       |
| 1.2       | Kinh phí không thực hiện chế độ tự chủ                  |       |       |       |       |
| <b>2</b>  | <b>Chi sự nghiệp khoa học và công nghệ</b>              |       |       |       |       |
| 2.1       | Kinh phí thực hiện nhiệm vụ khoa học công nghệ          |       |       |       |       |
|           | - Nhiệm vụ khoa học công nghệ cấp quốc gia              |       |       |       |       |
|           | - Nhiệm vụ khoa học công nghệ cấp Bộ                    |       |       |       |       |
|           | - Nhiệm vụ khoa học công nghệ cấp cơ sở                 |       |       |       |       |
| 2.2       | Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên theo chức năng           |       |       |       |       |
| 2.3       | Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên                    |       |       |       |       |
| <b>3</b>  | <b>Chi sự nghiệp giáo dục, đào tạo và dạy nghề</b>      | 7.779 | 4.805 | 146,6 | 652,0 |
| 3.1       | Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên                          | 6.239 | 3.382 | 54,21 | 83,4  |
| 3.2       | Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên                    | 1.540 | 1.423 | 92,36 | 568,6 |
| <b>4</b>  | <b>Chi sự nghiệp y tế, dân số và gia đình</b>           |       |       |       |       |
| 4.1       | Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên                          |       |       |       |       |
| 4.2       | Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên                    |       |       |       |       |
| <b>5</b>  | <b>Chi bảo đảm xã hội</b>                               |       |       |       |       |
| 5.1       | Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên                          |       |       |       |       |
| 5.2       | Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên                    |       |       |       |       |
| <b>6</b>  | <b>Chi hoạt động kinh tế</b>                            |       |       |       |       |
| 6.1       | Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên                          |       |       |       |       |
| 6.2       | Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên                    |       |       |       |       |
| <b>7</b>  | <b>Chi sự nghiệp bảo vệ môi trường</b>                  |       |       |       |       |
| 7.1       | Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên                          |       |       |       |       |
| 7.2       | Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên                    |       |       |       |       |
| <b>8</b>  | <b>Chi sự nghiệp văn hóa thông tin</b>                  |       |       |       |       |
| 8.1       | Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên                          |       |       |       |       |
| 8.2       | Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên                    |       |       |       |       |
| <b>9</b>  | <b>Chi sự nghiệp phát thanh, truyền hình, thông tấn</b> |       |       |       |       |
| 9.1       | Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên                          |       |       |       |       |
| 9.2       | Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên                    |       |       |       |       |
| <b>10</b> | <b>Chi sự nghiệp thể dục thể thao</b>                   |       |       |       |       |
| 10.1      | Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên                          |       |       |       |       |
| 10.2      | Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên                    |       |       |       |       |
| <b>II</b> | <b>Nguồn vốn viện trợ</b>                               |       |       |       |       |
| <b>1</b>  | <b>Chi quản lý hành chính</b>                           |       |       |       |       |
| 1.1       | Dự án A                                                 |       |       |       |       |
| 1.2       | Dự án B                                                 |       |       |       |       |
| <b>2</b>  | <b>Chi sự nghiệp khoa học và công nghệ</b>              |       |       |       |       |
| 2.1       | Dự án A                                                 |       |       |       |       |
| 2.2       | Dự án B                                                 |       |       |       |       |
| <b>3</b>  | <b>Chi sự nghiệp giáo dục, đào tạo và dạy nghề</b>      |       |       |       |       |
| 3.1       | Dự án A                                                 |       |       |       |       |
| 3.2       | Dự án B                                                 |       |       |       |       |
| <b>4</b>  | <b>Chi sự nghiệp y tế, dân số và gia đình</b>           |       |       |       |       |
| 4.1       | Dự án A                                                 |       |       |       |       |
| 4.2       | Dự án B                                                 |       |       |       |       |
| <b>5</b>  | <b>Chi bảo đảm xã hội</b>                               |       |       |       |       |
| 5.1       | Dự án A                                                 |       |       |       |       |

|      |                                                         |  |  |  |  |
|------|---------------------------------------------------------|--|--|--|--|
| 6.1  | Dự án A                                                 |  |  |  |  |
| 6.2  | Dự án B                                                 |  |  |  |  |
| 7    | <b>Chi sự nghiệp bảo vệ môi trường</b>                  |  |  |  |  |
| 7.1  | Dự án A                                                 |  |  |  |  |
| 7.2  | Dự án B                                                 |  |  |  |  |
| 8    | <b>Chi sự nghiệp văn hóa thông tin</b>                  |  |  |  |  |
| 8.1  | Dự án A                                                 |  |  |  |  |
| 8.2  | Dự án B                                                 |  |  |  |  |
| 9    | <b>Chi sự nghiệp phát thanh, truyền hình, thông tấn</b> |  |  |  |  |
| 9.1  | Dự án A                                                 |  |  |  |  |
| 9.2  | Dự án B                                                 |  |  |  |  |
| 10   | <b>Chi sự nghiệp thể dục thể thao</b>                   |  |  |  |  |
| 10.1 | Dự án A                                                 |  |  |  |  |
| 10.2 | Dự án B                                                 |  |  |  |  |
| III  | <b>Nguồn vay nợ nước ngoài</b>                          |  |  |  |  |
| 1    | <b>Chi quản lý hành chính</b>                           |  |  |  |  |
| 1.1  | Dự án A                                                 |  |  |  |  |
| 1.2  | Dự án B                                                 |  |  |  |  |
| 2    | <b>Chi sự nghiệp khoa học và công nghệ</b>              |  |  |  |  |
| 2.1  | Dự án A                                                 |  |  |  |  |
| 2.2  | Dự án B                                                 |  |  |  |  |
| 3    | <b>Chi sự nghiệp giáo dục, đào tạo và dạy nghề</b>      |  |  |  |  |
| 3.1  | Dự án A                                                 |  |  |  |  |
| 3.2  | Dự án B                                                 |  |  |  |  |
| 4    | <b>Chi sự nghiệp y tế, dân số và gia đình</b>           |  |  |  |  |
| 4.1  | Dự án A                                                 |  |  |  |  |
| 4.2  | Dự án B                                                 |  |  |  |  |
| 5    | <b>Chi bảo đảm xã hội</b>                               |  |  |  |  |
| 5.1  | Dự án A                                                 |  |  |  |  |
| 5.2  | Dự án B                                                 |  |  |  |  |
| 6    | <b>Chi hoạt động kinh tế</b>                            |  |  |  |  |
| 6.1  | Dự án A                                                 |  |  |  |  |
| 6.2  | Dự án B                                                 |  |  |  |  |
| 7    | <b>Chi sự nghiệp bảo vệ môi trường</b>                  |  |  |  |  |
| 7.1  | Dự án A                                                 |  |  |  |  |
| 7.2  | Dự án B                                                 |  |  |  |  |
| 8    | <b>Chi sự nghiệp văn hóa thông tin</b>                  |  |  |  |  |
| 8.1  | Dự án A                                                 |  |  |  |  |
| 8.2  | Dự án B                                                 |  |  |  |  |
| 9    | <b>Chi sự nghiệp phát thanh, truyền hình, thông tấn</b> |  |  |  |  |
| 9.1  | Dự án A                                                 |  |  |  |  |
| 9.2  | Dự án B                                                 |  |  |  |  |
| 10   | <b>Chi sự nghiệp thể dục thể thao</b>                   |  |  |  |  |
| 10.1 | Dự án A                                                 |  |  |  |  |
| 10.2 | Dự án B                                                 |  |  |  |  |



Thủ trưởng đơn vị

**Dương Thị Học**